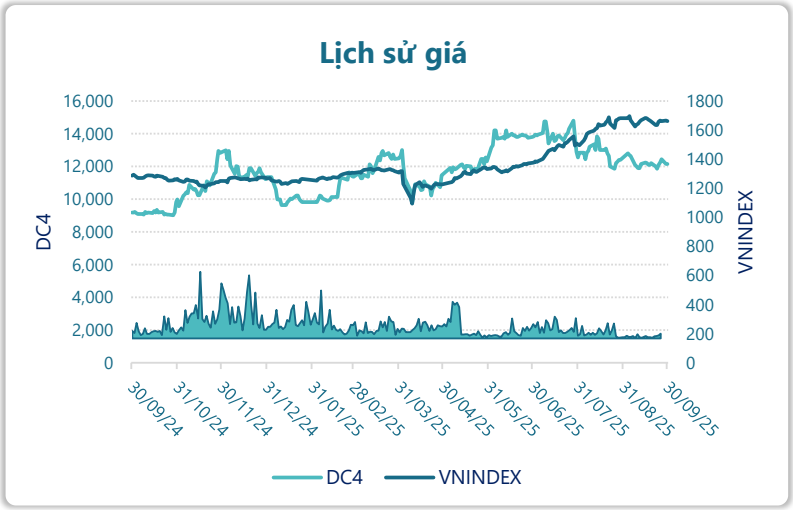
FireAnt

CTCP Dicera Holdings (HSX: DC4)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,016
SL cổ phiếu LH	95,285,704
KLGD BQ 20 phiên (CP)	707,040
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,158
P/E	7.0
EPS	1,747

DT thuần

Q3/25

521

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0| 6.1%

YoY: ▲ 237| 83.4%

LN sau thuế

Q3/25

58.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.1| 38.1%

YoY: ▲ 23.8| 69.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

14.8%

+/- YoY: ▼ 1.4%

DT thuần

9T 2025

1,303

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 412| 46.2%

LN sau thuế

9T 2025

141

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 43.9| 45.3%

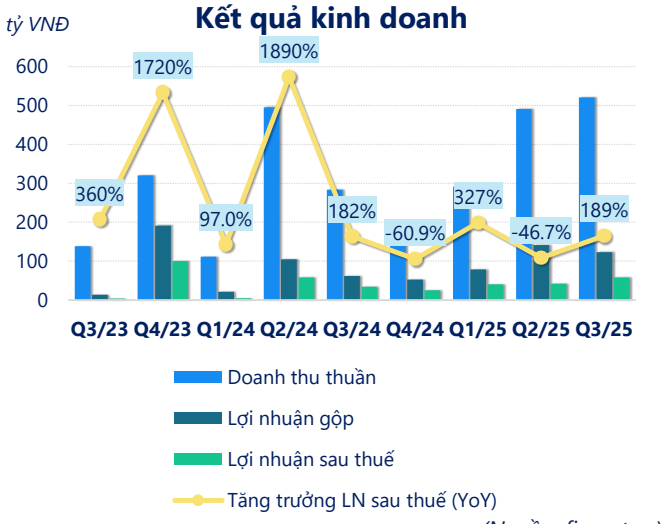
ROE

Q3/25

16.9%

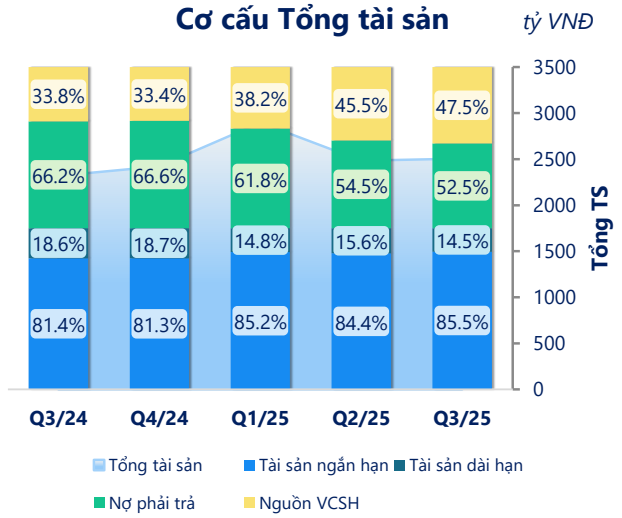
+/- YoY: ▼ 11.8%

Kết quả kinh doanh



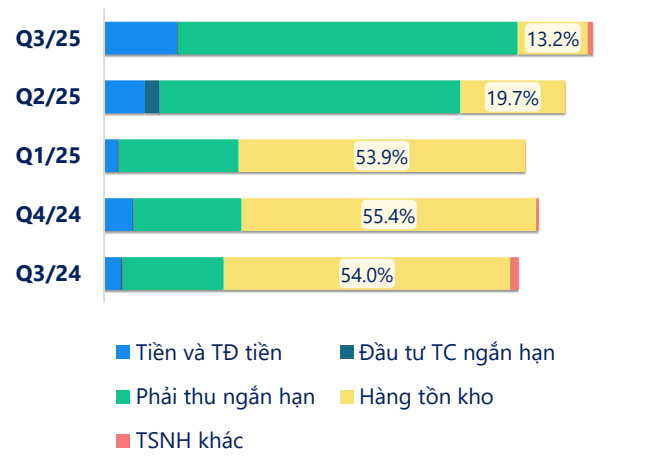
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



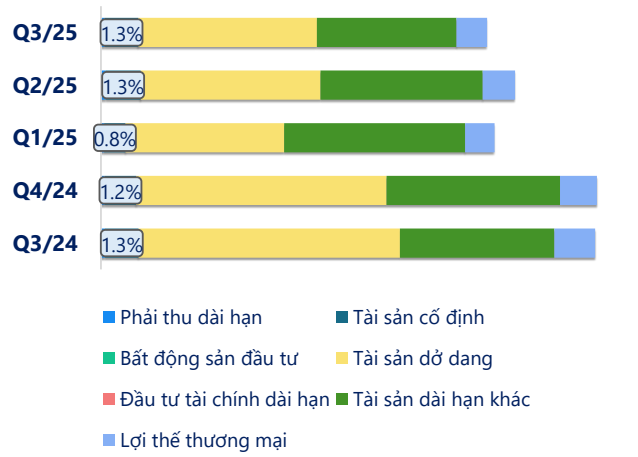
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



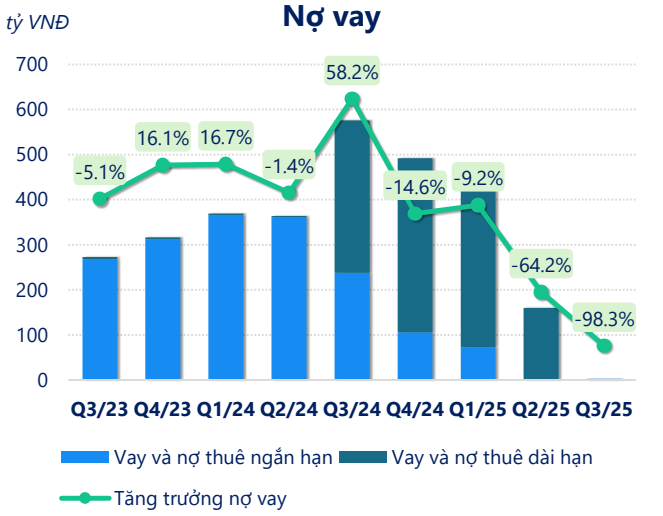
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



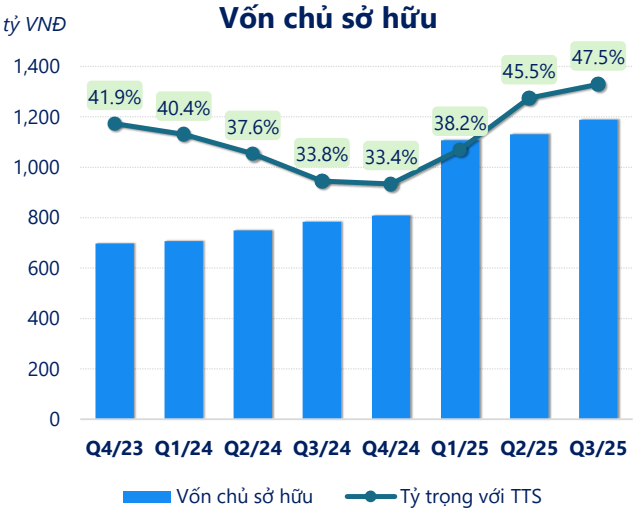
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



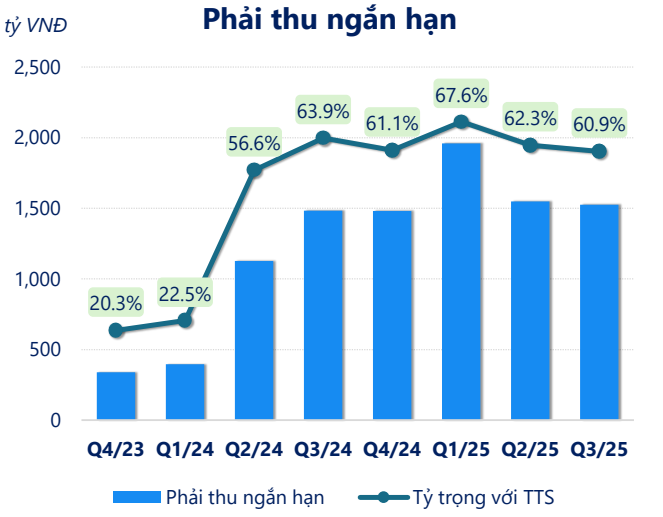
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



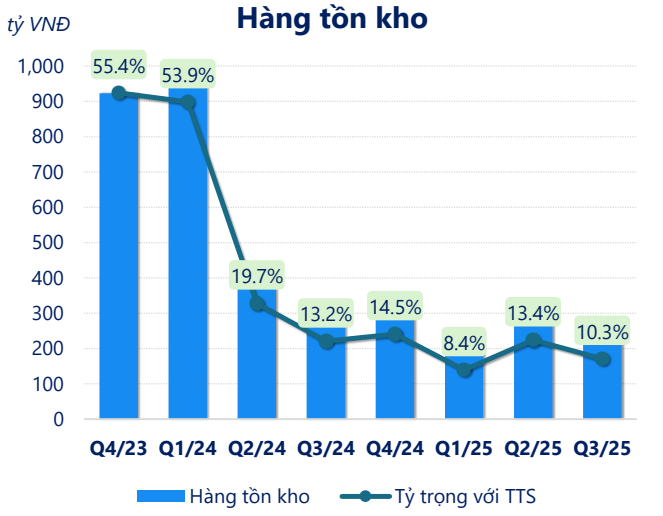
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



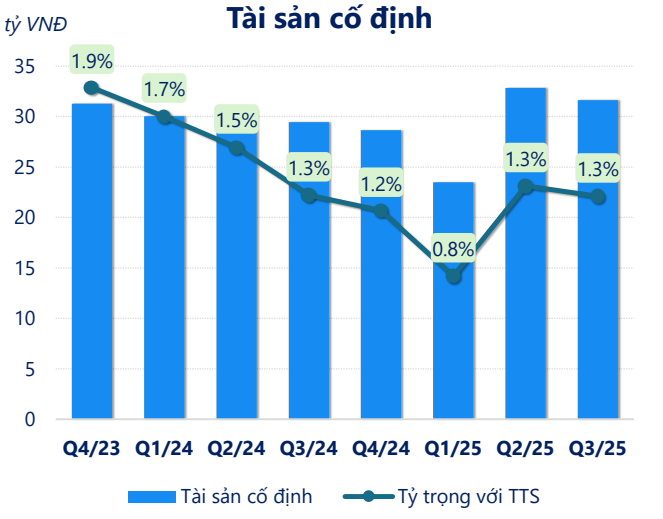
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



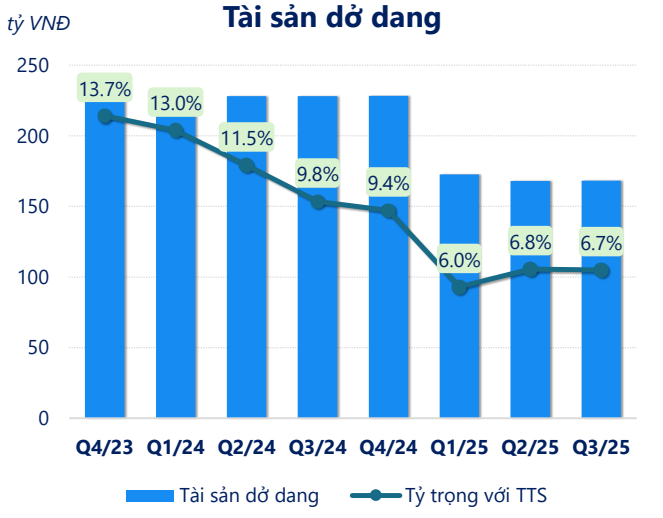
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



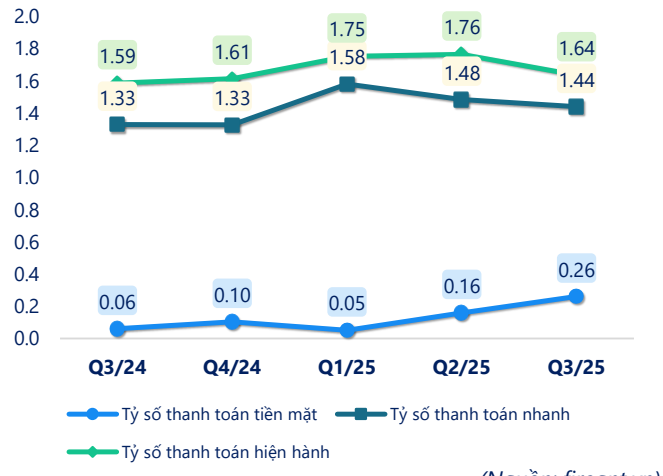
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



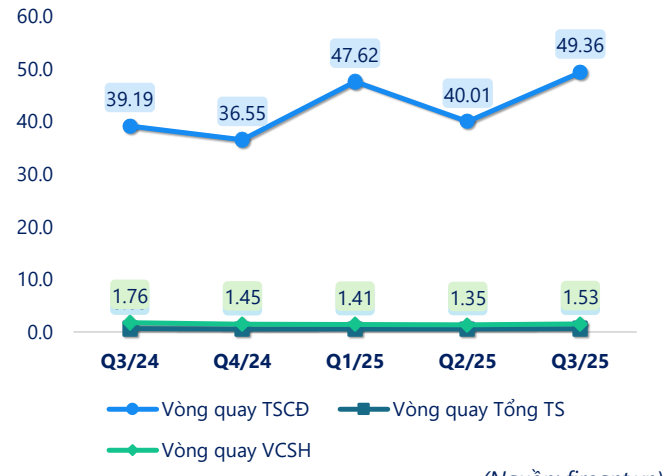
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,320**	**2,423**	**2,897**	**2,484**	**2,505**
Tài sản ngắn hạn	**1,889**	**1,971**	**2,468**	**2,097**	**2,141**
Tiền và tương đương tiền	72.1	127	71.7	190	342
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.41	4.41	194	14.4	14.4
Phải thu ngắn hạn	1,483	1,481	1,959	1,548	1,525
Hàng tồn kho	307	351	242	333	257
Tài sản ngắn hạn khác	22.1	7.45	1.02	11.5	2.01
Tài sản dài hạn	**431**	**452**	**429**	**387**	**364**
Phải thu dài hạn	3.46	3.46	3.46	4.32	3.56
Tài sản cố định	29.4	28.6	23.5	32.8	31.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	228	228	173	168	168
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	135	158	197	152	132
Lợi thế thương mại	35.4	33.7	32.0	30.3	28.6
Nợ phải trả	**1,537**	**1,615**	**1,790**	**1,353**	**1,316**
Nợ ngắn hạn	**1,191**	**1,221**	**1,408**	**1,188**	**1,309**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	238	105	72.4	1.76	2.77
Phải trả người bán ngắn hạn	115	109	97.1	97.4	122
Nợ dài hạn	346	394	382	165	6.95
Vay và nợ thuê dài hạn	338	387	374	158	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**783**	**808**	**1,107**	**1,131**	**1,189**
Vốn chủ sở hữu	**783**	**808**	**1,107**	**1,131**	**1,189**
Vốn điều lệ	577	577	866	953	953
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)